

# NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GÓP PHẦN ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

**Đỗ Thị Châu**

*Trường Đại học Ngoại ngữ*

*Đại học Quốc gia Hà Nội*

## **1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu khoa học phục vụ sự phát triển công tác giáo dục và đào tạo**

Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) phục vụ cho sự phát triển của ngành giáo dục và đào tạo (GD & ĐT), đặc biệt là phục vụ cho việc đổi mới công tác giảng dạy trong các trường đại học và cao đẳng (ĐH & CĐ) nhằm nâng cao chất lượng GD & ĐT, đáp ứng được nhu cầu của thực tế là việc làm cần thiết và cấp bách. Việc tăng cường kết hợp giữa giảng dạy và NCKH để phục vụ sự phát triển của ngành GD & ĐT là việc làm quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách GD (1-1979) khi xác định nhiệm vụ của GD đại học, đã nêu rõ yêu cầu về đào tạo NCKH. Trong nghị quyết có đoạn: *“Trường ĐH có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KH kĩ thuật nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ đại học và trên đại học, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc XHCN, có lí tưởng cách mạng, có quyết tâm vươn tới đỉnh cao của khoa học - kĩ thuật, có năng lực NCKH hoặc chỉ đạo những nhiệm vụ chuyên môn do mình phụ trách, có tiềm lực để từng bước tiến lên giải quyết những vấn đề thực tiễn do cuộc sống đề ra thuộc phạm vi nghề nghiệp của mình”*.

Quyết định 324/CT ngày 11-9-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay Thủ tướng Chính phủ) đã nhấn mạnh phải “*gắn NCKH với đào tạo*”.

Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam (1996) có đề ra mục tiêu phát triển GD & ĐT là “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; coi trọng cả ba mặt: mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng, phát huy hiệu quả”. Để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần “chuyển mạnh về chất lượng GD & ĐT” và muốn đạt được điều này phải “phát triển và nâng cao năng lực, hiệu quả nghiên cứu, triển khai khoa học và công nghệ” [9; 107 và 173]

Nghị quyết Trung ương lần thứ hai khóa VIII của Đảng (tháng 12-1996) cũng đã ghi: “*Tiếp tục sắp xếp lại mạng lưới các trường ĐH, CĐ và các viện nghiên cứu để gắn đào tạo với NCKH, tận dụng tối ưu năng lực đội ngũ và cơ sở vật chất hiện có... Các trường ĐH phải là trung tâm NCKH, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống*”.

Điều 12 khoản 2 Luật giáo dục (1998) đã qui định: “*Trường cao đẳng, trường ĐH, viện NCKH, cơ sở sản xuất có trách nhiệm phối hợp trong việc đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội*” [3; 14].

## **2. Khái niệm chung về nghiên cứu khoa học**

**2.1.** Nghiên cứu khoa học GD theo Trần Thúc Trình (1984), là hoạt động có tính hệ thống và tập trung, xuất phát từ khó khăn trong hoạt động GD hay từ nhu cầu nhận thức hoạt động GD nào đó, cố gắng hiểu biết nhằm tìm ra được cách giải thích tổng hợp, sâu sắc về cấu trúc và cơ chế cùng biện chứng của sự phát triển của một hệ thống GD nào đó hay nhằm khám phá ra những khái niệm, những qui luật mới của thực tiễn GD mà trước đó chưa ai biết đến [8; 5].

Sản phẩm NCKH GD là những hiểu biết mới về hoạt động GD (những chân lý mới, những phương pháp (PP) làm việc mới, những lí thuyết mới, những dự báo có luận cứ).

**2.2.** Hiện nay người ta thường phân NCKH nói chung và NCKH GD nói riêng ra làm 4 loại sau:

- Nghiên cứu cơ bản;
- Nghiên cứu ứng dụng;
- Nghiên cứu triển khai;
- Nghiên cứu dự báo.

Công tác NCKH của cán bộ giảng dạy và sinh viên trong các trường ĐH & CĐ hiện nay chủ yếu là thuộc loại nghiên cứu ứng dụng. Đặc trưng của loại nghiên cứu ứng dụng là:

- Nghiên cứu ứng dụng có mục tiêu là tìm cách vận dụng những tri thức cơ bản để tạo ra những qui trình công nghệ mới, những nguyên lí mới trong quản lí KT và XH để cải tiến một quá trình, cải tiến một sản phẩm, tức là nghiên cứu ứng dụng có mục đích thực hành xác định nhằm phục vụ cho một nhu cầu cụ thể trong GD;

- Nghiên cứu ứng dụng là giai đoạn trung gian giữa sự phát hiện và sử dụng hàng ngày, những cố gắng đầu tiên để chuyển hoá những tri thức KH GD thành kỹ thuật GD;

- Nghiên cứu ứng dụng là một trong những con đường quan trọng nhất giúp cho các nước kém phát triển vươn lên nhanh chóng, bỏ qua giai đoạn nghiên cứu cơ bản tốn kém để tiến kịp các nước phát triển có tiềm lực KH mới.

### 2.3. Công tác NCKH GD có một số đặc trưng cơ bản sau:

a/ Thu thập tích lũy sự kiện mới. Mặt khác, người nghiên cứu phải biết sử dụng sự kiện đã tích lũy được phục vụ cho mục đích của mình.

b/ Công tác NCKH GD nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn GD, trong một mối quan hệ giữa hai hay nhiều biến thiên, tìm ra cho được mối quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả;

c/ Công tác NCKH GD nhằm xây dựng lí thuyết đúng đắn hoặc phát hiện ra những quy luật có ích cho việc dự báo trong tương lai từ việc nghiên cứu trên tập mẫu, rồi khái quát hoá cho tập tổng hợp;

d/ Người nghiên cứu phải tinh thông, nắm được những thông tin đã có về vấn đề định nghiên cứu, phải nắm vững hệ thống khái niệm dự định sử dụng, phải có tư tưởng chủ đạo, trong đó cơ sở triết học của vấn



đề nghiên cứu phải được xác lập rõ ràng. Muốn vậy, phải đọc sách, đọc rất nhiều. Sự cô lập, thiếu thông tin sẽ dẫn KH đến chỗ tan rã và tuyệt vọng.

e/ Phải quan sát và mô tả chính xác sự kiện. Người nghiên cứu phải tạo ra dụng cụ thu thập, đo đạc các số liệu và phân tích xử lý số liệu.

g/ Công tác NCKH GD là một quá trình có hệ thống, có lôgic và có mục đích. Người nghiên cứu phải áp dụng phương pháp trắc nghiệm để kiểm tra kết quả, tuyệt đối chống cảm tính chủ quan, chống thành kiến cá nhân;

h/ NCKH GD đòi hỏi người nghiên cứu phải bền bỉ, kiên trì;

i/ NCKH GD cũng đòi hỏi ngoài đức tính thận trọng, trung thực còn phải có đức tính cần cù, dũng cảm, say sưa, có khi táo bạo nữa.

### **3. Thực trạng công tác NCKH hiện nay ở các trường ĐH & CĐ**

Công tác NCKH hiện nay của cán bộ giảng dạy ở các trường ĐH & CĐ còn nhiều yếu kém.

Theo GS.VS. Phạm Minh Hạc thì đổi mới GD & ĐT chưa đáp ứng được yêu cầu công cuộc đổi mới KT – XH, nhất là việc kết hợp giữa giảng dạy và NCKH ở các ĐH & CĐ hãy còn nhiều yếu kém. Tuy số cán bộ có trình độ cao của cả nước tập trung nhiều ở các trường ĐH, nhưng số cán bộ giảng dạy tham gia NCKH còn rất hạn chế (xem số liệu ở bảng 1 và 2):

**Bảng 1.** Số cán bộ KH ở trong các trường ĐH, CĐ và ở các bộ, ngành khác (không kể Bộ GD & ĐT)

	Tổng số	Tiến sĩ	Thạc sĩ
Trong các trường ĐH, CĐ thuộc Bộ GD & ĐT	24.309	4.471	6.802
Trong các bộ, ngành khác (không kể Bộ GD & ĐT)	21.819	2.062	289

Nguồn: Bộ GD & ĐT (tháng 7-2000)

Một trong những lý do khiến cán bộ giảng dạy ĐH & CĐ ít tham gia NCKH là từ năm 1993-1994, số sinh viên (SV) tăng lên 3, 96 lần, trong khi đó số cán bộ giảng dạy chỉ tăng có 1, 47 lần, cho nên phần lớn cán bộ giảng dạy tập trung hơn vào giảng dạy. Với lực lượng cán bộ KH như vậy mà về mặt số lượng, các đề tài, chương trình NCKH và công nghệ, đề tài NCKH và công nghệ của các trường ĐH chiếm một tỷ lệ gần 1/4 đề tài NCKH và công nghệ của các viện nghiên cứu; trong khoa học xã hội - nhân văn tỷ lệ tương ứng là 36% trên 54, 5%:

**Bảng 2.** Tỷ lệ số đề tài, chương trình NCKH (1996-2000) giữa các trường ĐH (B) và các viện nghiên cứu ở các bộ, ngành khác (không kể Bộ GD & ĐT) (A)

	Tổng số	Các viện NC (A)	Các trường ĐH (B)
Chương trình KH và công nghệ Nhà nước	136 đề tài	109 đề tài	27 đề tài
Chương trình nghiên cứu Nhà nước về KH xã hội - nhân văn	53 đề tài	32 đề tài	21 đề tài

Nguồn: Bộ GD & ĐT (tháng 7-2000)

Như vậy, là theo cơ chế phân bổ chương trình, đề tài như hiện nay, thì công suất NCKH của các trường ĐH chưa được tận dụng. Ngân sách NCKH của Nhà nước hàng năm phân bổ cho các trường ĐH chỉ có 3, 6%. Trang thiết bị của các phòng thí nghiệm còn rất nghèo nàn và phần lớn không phải là công nghệ tiên tiến. Phần lớn cán bộ không được bồi dưỡng cập nhật với trình độ khoa học - công nghệ hiện đại [2; 202-203].

Hoạt động NCKH của sinh viên ở các trường ĐH & CĐ chưa phát triển mạnh, đặc biệt là ở các trường ĐH và CĐ thuộc khối khoa học xã hội - nhân văn và khối sư phạm (trong đó có trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQG HN). Cụ thể là số SV tham gia NCKH (với những đề tài nghiên cứu nhất định) so với tổng số SV ở mỗi trường còn quá ít, nên rất nhiều SV khi tốt nghiệp ra trường mà vẫn chưa có được PP tự học, tự nghiên cứu, tức là chưa có được những kĩ năng NCKH cơ bản để có thể tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp của bản

thân cũng như tự mình giải quyết những vấn đề mang tính thời sự của thực tiễn nghề nghiệp.

## **4. NCKH và vấn đề đổi mới PP dạy - học ở các trường ĐH & CĐ**

### **4.1. NCKH và vấn đề đổi mới PP dạy của thầy**

#### **4.1.1. Vị trí và vai trò của NCKH đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên ĐH**

NCKH và giảng dạy là hai nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác chuyên môn của giảng viên ĐH. Hai hoạt động NCKH và giảng dạy có mối quan hệ biện chứng với nhau và là điều kiện tồn tại của nhau: muốn hoàn thành được nhiệm vụ giảng dạy thì phải không ngừng NCKH và ngược lại, NCKH là để phục vụ cho công tác giảng dạy được tốt góp phần nâng cao chất lượng GD & ĐT, phát triển XH.

Năng lực và hiệu quả NCKH là một tiêu chuẩn rất cơ bản để đánh giá giảng viên ĐH. Một biểu hiện rõ rệt nhất về vấn đề này là ở các quy định phong cấp học vị, học hàm cho các giảng viên ĐH (đó là: 1. giảng dạy; 2. ngoại ngữ; 3. NCKH, trong đó tiêu chuẩn thứ ba có ý nghĩa quyết định bởi vì có đạt được những mức độ NCKH nào đó mới bước lên được cấp giáo sư bậc 1, bậc 2...).

Người thầy giáo, với tư cách là một nhà KH, phải tích cực tham gia nghiên cứu trước hết là phục vụ cho công tác giảng dạy và tiến tới là phục vụ cho sản xuất, phục vụ XH. Thực tiễn luôn đặt ra cho KH những vấn đề cần nghiên cứu để thúc đẩy quá trình nghiên cứu chung, đồng thời cũng là nơi thử thách, kiểm nghiệm tính hữu hiệu của công việc NCKH. Dạy ĐH mà không hoà mình vào cuộc sống sản xuất và xây dựng XH thì không thể là một nhà KH thực sự và như vậy cũng không thể tiến tới làm một giảng viên ĐH, nhất là trong thời đại khoa học - công nghệ và thông tin phát triển như vũ bão như hiện nay.

#### **4.1.2. NCKH và vấn đề đổi mới PP dạy học**

Để đổi mới GD & ĐT, trong đó có đổi mới PP dạy học cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại thì phải NCKH. Việc NCKH của giảng viên thường bắt đầu từ những công việc rất đơn giản (như nghiên cứu tài liệu trong việc soạn bài; tìm và đọc các tài liệu, sách,



báo... thuộc chuyên ngành mình phụ trách cũng như những sách báo liên ngành để làm cơ sở lí luận cho vấn đề đổi mới) đến phức tạp (như chủ trì những công trình NCKH từ cấp đơn vị đến quốc gia và các đề tài hợp tác quốc tế).

Ngày nay, sự phát triển của khoa học công nghệ đòi hỏi ngành GD cũng phải thay đổi cho phù hợp với xu thế phát triển chung đó. Trong những năm gần đây ở các trường ĐH (trong đó có trường ĐHNN - ĐHQGHN) đã có xu thế trang bị thêm nhiều các phương tiện dạy học (DH) hiện đại như đài, máy quay phim, máy chiếu, máy overhead, projecter... để phục vụ cho việc DH. Việc sử dụng được các phương tiện DH này đòi hỏi cả người dạy và người học phải đổi mới các PP dạy và PP học.

\* Nhiệm vụ đầu tiên của giảng viên ĐH là phải nghiên cứu tài liệu dạy học để cấu trúc lại nội dung bài giảng thành những mô hình, sơ đồ mang tính cô đọng, súc tích rồi dùng phương tiện DH (máy móc và các tài liệu in ấn do giáo viên biên soạn hoặc sưu tầm) *hướng dẫn; tổ chức; làm trọng tài, cố vấn, kết luận, kiểm tra* nhằm tạo điều kiện cho trò *tự nghiên cứu; tự thể hiện; tự kiểm tra; tự điều chỉnh hoạt động học tập của bản thân*.

\* Nhiệm vụ tiếp theo cũng rất quan trọng góp phần vào việc đổi mới PP dạy của thầy đó là tham gia NCKH với những đề tài khoa học cụ thể phục vụ cho giảng dạy, tức là trong quá trình giảng dạy, giảng viên ĐH phải tìm cách thể hiện những nghiên cứu của mình về PP dạy học theo xu thế mới bằng những bài báo, những đề tài KH ở các cấp để công bố với đồng nghiệp những thành quả nghiên cứu thực tiễn nhằm mục đích trao đổi thông tin và cùng nhau xây dựng cơ sở lí luận - thực tiễn cho việc đổi mới PP DH.

Như vậy, hai nhiệm vụ cơ bản của giảng viên là giảng dạy và NCKH luôn có quan hệ và gắn bó chặt chẽ với nhau: muốn nâng cao chất lượng đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của XH thì phải đổi mới (trong đó có đổi mới PP DH) và muốn đổi mới thì phải NCKH. Ngược lại công tác NCKH là phải được xuất phát từ những vấn đề của thực tiễn DH nhằm phục vụ cho chính công cuộc đổi mới DH ở các trường ĐH.

## 4.2. Tổ chức cho sinh viên NCKH để đổi mới PP học tập

**4.2.1.** Theo Almêida Junior (1956), “*cái mục tiêu cao nhất mà nhà trường đại học phải nhắm tới và có nhiệm vụ đào tạo cho học sinh của mình đạt tới đó là sự nghiên cứu khoa học, là sự khám phá mở đường và có hiệu quả trên những địa bàn kỹ thuật và lí luận chưa được khám phá*” [7; 12].

Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) của Đảng đã ghi rõ: “*... từng bước... bảo đảm điều kiện và định hướng tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học. Phát triển phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân, nhất là thanh niên*” [9; 25].

Điều 35 và 36 Luật Giáo dục của nước CHXHCN VN đã ghi rõ:

+ Về mục tiêu: “*Đào tạo trình độ ĐH giúp SV nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về một ngành nghề, có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo*”;

+ Về nội dung: “*Đào tạo trình độ ĐH phải bảo đảm cho SV có những kiến thức KH cơ bản và chuyên ngành tương đối hoàn chỉnh; có phương pháp làm việc khoa học; có năng lực vận dụng lí thuyết vào công tác chuyên môn*”.

+ Về “*phương pháp GD ĐH phải coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng*” [3; 26].

Với việc xác định mục tiêu, nội dung và PP giáo dục ở bậc ĐH như vậy, chúng ta có thể khẳng định rằng, phát triển phong trào tự học, tự NCKH trong SV là một trong những hoạt động của đào tạo, trong đó giáo viên trực tiếp giảng dạy giữ vai trò nòng cốt.

**4.2.2.** Với việc đổi mới PP dạy của giáo viên theo hướng phát huy tối đa tính tích cực và sáng tạo của SV với sự trợ giúp của các phương tiện DH để đáp ứng mục tiêu, nội dung và PP dạy học hiện nay thì việc dạy cho SV PP tự học, tự nghiên cứu, tự giải quyết một vấn đề cụ thể có trong thực tế là việc làm vô cùng cần thiết và cấp bách, vì PP tự học là cầu nối giữa học tập và NCKH. Một yếu tố quan trọng đảm bảo thành công trong việc học tập và NCKH là khả năng phát hiện và giải



quyết vấn đề đặt ra. Nếu rèn luyện cho SV có được kỹ năng, PP, thói quen tự học, biết ứng dụng những điều đã học vào những tình huống mới, biết tự lực phát hiện và giải quyết những vấn đề gặp phải thì sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy tiềm năng vốn có trong mỗi người. Làm được như thế thì kết quả học tập của SV sẽ được nhân lên gấp bội và SV khi ra trường có thể tiếp tục tự học, tự nghiên cứu, dễ dàng thích ứng với cuộc sống lao động, công tác trong XH. Để làm được điều này thì cần có những điều kiện sau đây:

*a. Nâng cao nhận thức về ý nghĩa và sự cần thiết phải rèn luyện khả năng, PP tự học, tự NCKH* (tức là mục tiêu học tập là rèn luyện PP tự học, tự NCKH để học suốt đời)

Cùng với học tập, NCKH là một nhiệm vụ quan trọng của SV ĐH. Hai hoạt động này cùng hỗ trợ cho nhau, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, giáo viên phải có nhiệm vụ giúp SV xác định mục đích, hình thành động cơ và hứng thú trong HĐ học tập và NCKH. Vì, NCKH có tác dụng rèn luyện ở SV PP tư duy, tạo điều kiện cho họ tự học, tự chiếm lĩnh tri thức, tự họ có thể giải quyết được những vấn đề sẽ thường xuyên nảy sinh trong thực tiễn công tác; biết vận dụng những thành công của bạn bè, của đồng nghiệp...

*b. Bồi dưỡng cho SV lý luận NCKH*

Việc bồi dưỡng lý luận cho SV bao gồm cả PP luận và PP nghiên cứu cụ thể. Bồi dưỡng cho SV những vấn đề lý luận mới có tính thời sự KH là việc làm phải được tiến hành thường xuyên. Vì thiếu cơ sở lý luận KH nhất là những lý luận mới thì SV không thể tiến hành công tác NCKH được.

*c. Tổ chức cho SV NCKH bằng nhiều hình thức khác nhau*

Việc này có thể thực hiện thông qua:

- việc học tập (như học tập ở trên lớp; việc học tập - nghiên cứu ở nhà; việc học tập - nghiên cứu tập thể; việc học tập - nghiên cứu qua kiểm tra - thi cử) [6];
- việc kiến tập, thực tập: giáo sinh bước đầu tập vận dụng các PP NCKH vào việc thực hiện các nhiệm vụ được giao (quan sát, đàm thoại, điều tra, phân tích, tổng hợp, so sánh) để thực hiện đề tài KH của mình;

- việc tập duyệt NCKH để hoàn thành các bài tập NCKH: Đây là con đường có hiệu quả nhất trong việc tập duyệt NCKH. Việc hướng dẫn SV làm các bài tập NCKH cần tiến hành một cách chu đáo, tỉ mỉ, ngay từ khâu xác định đề tài, xây dựng đề cương, kế hoạch nghiên cứu đến khâu thực hiện, hoàn thành văn bản và bảo vệ công trình.

Việc tổ chức cho SV học tập - NCKH với nhiều hình thức khác nhau từ đơn giản đến phức tạp, từ năm thứ nhất đến năm cuối dưới sự hướng dẫn, tổ chức và kiểm soát của giáo viên sẽ dần hình thành ở SV PP tự học tập, tự nghiên cứu để tự mình làm chủ tri thức KH [1].

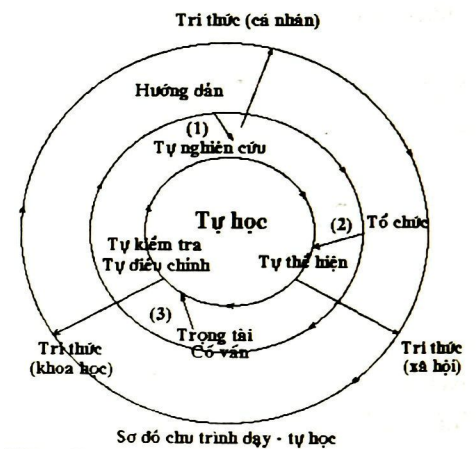
Chu trình dạy SV tự học tập, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn, tổ chức, điều khiển, cố vấn và kiểm tra của giáo viên theo hướng đổi mới được sơ đồ hoá như sau:

Theo sơ đồ, thầy giáo là người khởi xướng, người dẫn chương trình tự học của trò:

(1) thầy hướng dẫn cho trò tự nghiên cứu để tự tìm ra một tri thức có tính chất cá nhân;

(2) Thầy tổ chức cho trò tự thể hiện, hợp tác với nhau để làm cho sản phẩm ban đầu của người học khách quan hơn, tri thức có tính chất XH;

(3) Thầy là trọng tài, cố vấn, kết luận về cuộc đối thoại và hoạt động của trò, làm cơ sở cho trò tự kiểm tra, tự điều chỉnh sản phẩm ban đầu của mình, tri thức mà người học tự tìm ra giờ đây mới có tính chất KH [5; 164].



## 5. Kết luận

Nâng cao chất lượng GD & ĐT để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước là chủ trương của ngành GD nói riêng và của Đảng và Nhà nước ta nói chung.

Kết quả của việc nâng cao chất lượng GD phụ thuộc phần lớn vào chất lượng đổi mới GD mà trong đó chất lượng giảng dạy và NCKH của giảng viên giữ vai trò trọng tâm vì giảng viên ĐH là người trực tiếp quán triệt tư tưởng của Đảng và Nhà nước; là người trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH theo tinh thần mới và đồng thời cũng là người trực tiếp hướng dẫn SV tự học tập và tự nghiên cứu.

Như vậy, việc phối hợp NCKH (của cả thầy và trò) và đào tạo trong nhà trường ĐH là góp phần phát triển GD nói riêng và đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước nói chung.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Đỗ Thị Châu, *Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức NCKH để đáp ứng nhu cầu đào tạo mới*, Tạp chí Giáo dục, số 26, tháng 3/2002.
- 2 Phạm Minh Hạc, *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, HN, 2002.
- 3 *Luật giáo dục*. NXB Chính trị Quốc gia, HN, 1998.
- 4 Phạm Hồng Quang, *Về hoạt động NCKH trong trường đại học sư phạm*, Tạp chí ĐH & GDCN, số chuyên đề "Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên", 3/2000.
- 5 Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên), *Quá trình dạy - tự học*, NXB Giáo dục, HN, 2001.
- 6 Phạm Trung Thanh, *Phương pháp học tập, nghiên cứu của sinh viên CĐ & ĐH*, NXB Giáo dục, 1999.
- 7 Phan Thiệu, *Nghiên cứu khoa học và giáo dục đại học*, Tạp chí ĐH & GDCN, số 4 - 1992.
- 8 Trần Thúc Trình, *Giáo dục, KH giáo dục và NCKH GD*, Tạp chí TTKHGD, số 5/1984.
- 9 *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VIII Đảng CS VN*, NXB Chính trị Quốc gia, HN, 1996.